



Thaian Safety®
Since 1997

WE
KEEP
YOU
SAFE
AT
WORK

www.thaian.com



Thai An is MSA's Certified & Exclusive Service Centre in Vietnam for Gas Detector

Hotline: 0909 733 700



DUPONT

CAMP
Safety

uvex


Haws

TOYO SAFETY

3M


MSA
The Safety Company


Ansell


Bullard


PIP
PROTECTIVE INDUSTRIAL PRODUCTS

HOWLER
TOUGH BOOTS


**STEEL
BLUE**
100% COMFORT


KRUSHERS


REGELTEX

iEvac
SMOKE/FIRE HOOD



GIỚI THIỆU CÔNG TY THÁI AN

Được thành lập vào năm 1997. Là kết quả của sự nỗ lực không ngừng và phát triển thương hiệu. Thái An đã trở thành một trong những nhà cung cấp dẫn đầu ở Việt Nam về những dòng sản phẩm bảo hộ lao động cho ngành công nghiệp và những thiết bị an toàn, phòng tránh tai nạn. Mục tiêu của chúng tôi là bảo vệ con người và môi trường.

Bên cạnh những dòng sản phẩm Bảo Hộ Lao Động được nhập khẩu từ Châu Âu, Châu Mỹ và một số nước Châu Á, chúng tôi còn cung cấp những sản phẩm được sản xuất trong nước để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là trong các lĩnh vực như: Dầu khí, Hóa chất, Hàng hải, Đóng tàu, Thực phẩm, Công nghiệp sản xuất ô tô, Gỗ, Thép, Điện tử, Xây dựng, Xi măng, Dược phẩm, Sửa chữa máy bay, Khách sạn và các ngành công nghiệp khác....

Thái An là nhà phân phối độc quyền các sản phẩm Bảo Hộ Lao Động của các nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới như Mỹ, Đức, Ý, Pháp, Nhật Bản...

Được sản xuất bởi các nhà cung cấp nổi tiếng trên thế giới, tất cả các sản phẩm của chúng tôi đều đạt tiêu chuẩn ANSI, OSHA (USA), EN (Tiêu chuẩn Châu Âu) và các tiêu chuẩn tiên tiến cao cấp của Châu Á.

SỨ MỆNH

Ngay từ ngày đầu thành lập, Thái An Safety đã được xác định rõ ràng sứ mệnh của mình: Bảo vệ tốt nhất cho người lao động và môi trường làm việc tại Việt Nam.

Vì thế chúng tôi luôn cam kết chất lượng hàng hóa và dịch vụ phục vụ khách hàng tốt nhất.

TÂM NHÌN

Với sứ mệnh và trách nhiệm trên, cùng chiến lược rõ ràng của Ban Giám Đốc và đội ngũ nhân viên kinh nghiệm, Thái An Safety vẫn luôn nỗ lực phục vụ tốt nhất các doanh nghiệp vì một nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững và an toàn.

Single stop for workplace safety!

3M

**Foam Earplugs 1100**

Foam Earplugs
Nhét tai sử dụng 1 lần,
không dây. NRR: 29dB

uvex

**X-Fit 2112.001**

Soft Foam Earplugs
Nhét tai sử dụng 1 lần,
không dây. NRR: 32dB

uvex

**X-Fit 2112.000**

Dispenser
For 400prs of earplugs
Bình chứa nhét tai 400 cái

3M

**1292/1293**

Reusable Earplugs
Nhét tai tái sử dụng có
dây. NRR: 29dB

3M

**UltraFit™ 340.4002**

Reusable Earplugs, corded
Nhét tai tái sử dụng,
có dây, có hộp. NRR: 25 dB

3M

**Foam Earplugs 1110**

Corded Foam Earplugs
Nhét tai sử dụng 1 lần,
có dây. NRR: 29dB

uvex

**X-Fit 2112.010**

Corded Foam Earplugs
Nhét tai sử dụng 1 lần,
có dây. NRR: 32 dB

uvex

**Xact-Fit 2124.001/002**

Replaceable spare Earplugs
Nhét tai tái sử dụng, có dây
điều chỉnh. NRR: 26dB

3M

**1290**

Reusable Earplugs
Nhét tai tái sử dụng có dây
NRR: 25dB

3M

**UltraFit™ 340.4004**

Reusable Earplugs
Nhét tai tái sử dụng có dây
NRR: 25 dB

3M

**One Touch Pro**

Dispenser
For 500prs of earplugs
Bình chứa nhét tai 500 cái

3M

**TaperFit™ 312.1223**

Disposable Earplugs, corded
Nhét tai sử dụng 1 lần,
có dây. NRR: 32dB

3M

**TaperFit™ 312.1219**

Disposable earplugs, uncorded
Nhét tai sử dụng 1 lần,
không dây. NRR: 32 dB

**Taiwan Earplugs**

Corded Foam
Nhét tai tái sử dụng,
có dây. NRR: 25dB

**Taiwan EM-107**

Over the head Earmuff
Chụp tai chống ồn đeo
qua đầu. NRR: 24dB

3M

**Peltor™ H9A**

Over the Head Earmuff
Chụp tai chống ồn đeo
qua đầu. NRR: 25dB

3M

**Peltor™ H7A**

Over the head Earmuff
Chụp tai chống ồn đeo
qua đầu. NRR: 25dB

3M

**Peltor™ X Series**

Over the head Earmuff
Chụp tai qua đầu
NRR: 21-25dB

uvex

**K2 2600002**

Over the head Earmuff
Chụp tai qua đầu
SNR: 32bB

3M

**Peltor™ Lite-Com Pro II
MT7H7F4010-NA-50**

Over head communication
earmuff
Chụp tai qua đầu có bộ đàm
NRR: 25dB

3M

**Peltor™ H9P3E**

Cap-Mount Earmuff
Chụp tai chống ồn gắn nón
NRR: 23dB

3M

**Peltor™ H7P3E**

Cap-Mount Earmuff
Chụp tai chống ồn gắn nón
NRR: 24dB

3M

**Peltor™ X Series**

Hardhat attached
NRR: 21-31dB

uvex

**K2H 2600202**

Peltor Tactical XP IS
headset
MT1H7P3E2-07-51

3M

**Peltor Tactical XP IS
Headse-MT1H7P3E2-07-51**

Hardhat attached
communication earmuff
Chụp tai qua đầu có bộ đàm
NRR: 25dB

uvex



Ceramic 9137.005

Metal frame for spectacles
Gọng kính cận
EN 166

uvex



Sportstyle 9193.226

Sportstyle, PC lear
Kiểu dáng thể thao, siêu bền,
EN166

uvex



Sportstyle 9193.376

Sportstyle, PC lear
Kiểu dáng thể thao, siêu bền,
EN166

uvex



Sportstyle 9193.227

Sportstyle, PC black
Kiểu dáng thể thao, siêu bền,
EN166

uvex



I-vo 9160.065

Perfect Fit & Comfort
Vừa vặn & thoải mái
EN 166

uvex



Super G 9172.065

Lightweight safety spectacles
18grams
Kính bảo hộ siêu nhẹ-18grams
EN166

uvex



Super G 9172.086

Lightweight safety spectacles - 18grams
Kính bảo hộ siêu nhẹ - 18grams
EN166

uvex



Skyper S 9196.065

Safety Glass with eyeshields
Kính bảo vệ 2 bên
EN166

uvex



I-3 9190.275

Anti-scratch & anti-fogging
Chống trầy và chống đọng sương.
EN 166

uvex



Overspec 9161.005

Fit Over Prescription Specs
Có thể sử dụng với kính cận
EN 166

uvex



Astrospec 9168.265

Anti-fogging & anti-scratch
Chống đọng sương,
Chống trầy
EN 166

uvex



Astrospec 2.0 9164.065

Anti-scratch & chemical
Chống trầy 2 mặt và chống
hóa chất
EN166

uvex



Super OTG 9169.260

Anti-scratch & anti-fogging
Chống trầy và chống đọng
sương bên trong
EN 166

WORKSafe®



1370

Prescription Safety Glass
Kính cận bảo hộ
EN166

WORKSafe®



1140

Prescription Safety
Kính cận bảo hộ
EN 166

3M



2720

Scratch resistant, anti-fog
Chống đọng sương, chống
trầy, tia UV. EN 166

3M



2730

Anti-cratch, anti-fog, clear lens
Chống trầy xước, chống đọng
sương EN166

3M



Secure Fit 401

Anti-fogging or anti-scratch
Chống trầy hoặc chống
đọng sương
Z87.1-2010

3M



334/334AF

Splash Chemical Resistant
Kính chống hóa chất
ANSI Z87.1-2003



Taiwan SS-416

Dust Spectacles
Tròng kính chống bụi
ANSI Z87.1

uvex



Ultrasonic 9302.245

Chemical Resistant
Kính chống hóa chất
EN 388

uvex



Carbonvision 9307.276

Small goggles with maximum
protective features
Kính Goggle thiết kế nhỏ gọn
EN166

uvex



**Ultravision Flip-up
9302.045**

Ultrasonic Flip-up
Kính hàn 2 tròng
EN 166

uvex



Ultravision 9301.317

Chemical Faceshield
Kính che mặt chống hóa
chất. EN 166

uvex



**Cleaning station
9907.002**

Cleaning Station
Bộ kệ nước lau kính

Bullard®**Bumcap**

Comfort & Protection
Nón bảo hộ
ANSI/ ISEA Z89.1

Bullard®**Classic C30R**

Comfort Helmet
Nón bảo hộ 6 châu
ANSI/ ISEA Z89.1

Bullard®**Standard S61R**

Non-vented
Nón bảo hộ không lỗ thông hơi, ANSI/ISEA Z89.1

Bullard®**Standard S62R**

Vented Helmet
Nón bảo hộ có lỗ thông hơi
ANSI/ ISEA Z89.1

Bullard®**Above View**

Full-brim.
Nón rộng vành
ANSI/ISEA Z89.1

Bullard®**Magma**

Fire helmet
Nón cứu hỏa
EN14458:2004
EN443:2008

Bullard®**LT Series**

Fire helmet
Nón cứu hỏa
NFPA1971

3M**H-701R**

Non-vented helmet
Nón bảo hộ không lỗ thông hơi
ANSI/ISEA Z89.1

3M**H-701V**

Vented helmet
Nón bảo hộ có lỗ thông hơi
ANSI/ISEA Z89.1

MSA**V-Gard**

Full Brim Hard Hat
Nón bảo hộ rộng vành
ANSI Z89.1

MSA**C50**

Safety helmet
Tiêu chuẩn GB

MSA**V-Gard Cap**

Polyethylene Shell & Slotted
Nón có khe gắn chụp tai
ANSI Z89.1

TOYO SAFETY**Toyo 170AE**

ABS material, Origin: Japan
Nón chất liệu ABS
xuất xứ: Nhật Bản

TOYO SAFETY**Toyo 310F**

ABS material, Origin: Japan
Nón chất liệu ABS
Xuất xứ: Nhật Bản

TOYO SAFETY**Toyo 140AE**

ABS material, Origin: Japan
Nón chất liệu ABS
Xuất xứ: Nhật Bản

uvex**Pheos B-S-WR**

Safety helmet with slots
Nón có gắn chụp tai
EN397

uvex**Pheos E-S-WR**

Safety helmet with slots
Nón có gắn chụp tai
EN397, EN50356
(1.000V AC)

Bullard®**Bracket & Faceshield**

Thiết bị che mặt
chống văng bắn

Bullard®**Centinel2**

Headgear
Kính che mặt
ANSI Z87.1-2010

Bullard®**Centinel1**

Headgear
Kính che mặt
ANSI Z87.1-2010

3M**H8A+WP96**

Polycarbonate faceshield
Kính che mặt chống va đập
ANSI Z87.1

**Taiwan VH1+FW251**

Visor Holder & Faceshield
Kính che mặt chống
hóa chất. EN

**Taiwan WH684**

Welding Helmet
Mặt nạ hàn
CE-Z87.1

CENTURION®**Airpro Bumpcap**

ABS Material
Nón chống va đập nhẹ
chất liệu ABS
EN 812:2012 -40°C

CENTURION®**Cap2000**

ABS Material
Nón chống va đập nhẹ
chất liệu ABS
EN 812:2012 -40°C

3M



9001A/9002A

Disposable Respirator
Chống bụi, gỗ, xi măng
AS/ NZS P1

3M



9041/9042

Disposable Respirator
Chống bụi, hóa chất.
AS/NZS P1

3M



8210

Particulate Respirator
Chống khói, bụi
NIOSH N95

3M



8247

Disposable Respirator
Chống bụi, hóa chất
NIOSH R95

3M



8822

Welding and Metal Pouring
Chống bụi hàn, luyện kim
AS/ NZS P2

3M



9001V

Disposable Respirator
Chống bụi, khí không dầu,
AS/NZS P2, EN143:2000

3M



9010

Disposable Respirator
Chống bụi, khí không dầu,
NIOSH N95

3M



8514

Carbon filter layer mask
with valve
Khẩu trang lọc bụi có van
NIOSH

3M



HF50 Series

Reusable Half mask
Mặt nạ nửa mặt KMOEL
và AS/NZS

3M



3000 Series

Reusable Half Mask
Chemical Resistant
Mặt nạ 1 phin lọc
NIOSH/ EN/ CE

3M



6000 Series

TPE Reusable Half Mask
Chemical Resistant
NIOSH/EN/CE

3M



7500 Series

Silicon Reusable Half Mask
Chemical Resistant
NIOSH/EN/CE

3M



6500 Series

Silicon Reusable Half Mask
Chemical resistant
NIOSH/EN/CE

3M



6000 Series

Full mask Chemical Resistant
Mặt nạ nguyên mặt
NIOSH/ EN/ CE

3M



FT-30

Fit Test Apparatus
For Fit Testing Respirators
Dụng cụ kiểm tra độ
kín mặt nạ

Cartridge/ Prefilter/ Filter/ Retainer Standard: NIOSH, EN 14387: 2004	7744 Acid Gas	7744C Organic Vapor	3744K Filter for dust, Fume, Organic vapors	3700 Filter Retainer	6001 Organic Vapor	6002 Acid Gas	6003 Organic Vapor/ Acid Gas	6004 Ammonia/ Methylamine
	7001K-100 Organic Vapor	7007K Organic Vapor, Acid Gas	3301K-100 Organic Vapor Cartridge	6005 Formaldehyde/ Organic Vapor	6006 Multi-Gas/ Vapor	6009 Mercury Vapor/ Chlorine Gas	6009 Mercury Vapor/ Chlorine Gas	6009 Mercury Vapor/ Chlorine Gas
Applicable Respirators	7711 Prefilter		774 Retainer		2097 P100 Particulate Filter	7093 P100 Particulate Filter	5N11 N95 Filter	501 Filter Retainer
3M 7701 (S)/ 7702 (M)/ 7703 (L)		3M 3100 (S)/ 3200 (M)		3M 6100 (S)/ 6200 (M)/ 6300 (L) 3M 6700 (S)/ 6800 (M)/ 6900 (L) 3M 7501 (S)/ 7502 (M)/ 7503 (L)/ 7800				

VINYL



Vinyl Gloves

Powdered or Powder Free
Găng tay Vinyl

LATEX



Latex Gloves

Powdered or Powder Free
Găng tay Latex

Ansell



Touchtuff 92-670

Powdered or Powder Free
Găng tay Nitrile
EN 374

Ansell



Solvex® 37-175

Solvent Resistant
Găng chống dung môi
EN 388, EN 374

Ansell



Solvex® 37-176

Solvent Resistant
Găng tay chống dung môi
EN388, EN374

Ansell



Solvex® 37-185

Solvent Resistant
Găng tay chống dung môi
EN388, EN374

uvex



U-Fit Strong N2000

Cloroprene disposable gloves
Găng cao su tổng hợp
dùng 1 lần
EN ISO 374-1:2016

uvex



U-Fit Strong

NBR disposable gloves
Găng Nitrite dùng 1 lần
EN ISO 374-1:2016

Ansell



Scorpio® 19-024

Chemical & Heat Resistant
Găng chống hóa chất
EN 374

Ansell



Mercury™ 43-113

Heat resistant gloves
Găng chịu nhiệt
EN388, EN407

Ansell



Edge® 48-140

Machanical and antistatic
gloves
Găng cơ khí chống tĩnh điện
EN388

Ansell



HyFlex® 11-735

Mechanical gloves, Cut level 5
Găng cơ khí chống cắt cấp 5
EN388

Ansell



HyFlex® 11-800

General Assembly & Repair
Găng cơ khí
EN 388

3M



Glove

Cut resistant gloves
Level 1->5
Găng chống cắt cấp độ 1->5
EN388



Maxiflex™ 34-874

General Mechanic Work
Găng cơ khí thông thường
EN 388

Ansell



Crusader® Flex 42-474

Cut & Heat Resistant to
200°C. Găng chống cắt &
chịu nhiệt. EN 388. EN 407

Ansell



ActivArmr® 43-216

Welding Gloves
Găng tay da hàn,
EN 407. EN 388



Red Viper 73-7015

Welding Gloves
Găng tay da hàn
EN 407

uvex



Synexo M500

Heavy duty impact gloves
Găng chống va đập
EN388

Ansell



ActivArmr® 97-200

Heavy Duty Impact
Găng chống va đập chống
cháy chậm. EN 388

NEWTEX



Newtex - Zetex

Heat Resistant to 593°C
Găng chịu nhiệt 593°C
EN 388. EN 407



Manulutex

100% Stainless Steel Gloves
Găng tay sắt chống cắt
EN 1082, ISO



Regeltex

Insulating Gloves, available
from 500-36.000V. Găng cách
điện từ 500-36.000V
EN 0903:2003

uvex



C500 sleeves

High Cut Protection (cut 5)
High Abrasion Resistant
Ống tay chống cắt
EN 388

Ansell



HyFlex 70-138

Kevlar GoldKnit Sleeves
Cut Resistant
Ống tay chống cắt
EN 388, EN 407

NEWTEX



Newtex sleeves

Available sizes in 15" & 18"
lengths. Ống tay vải nhôm chịu
nhiệt 593°C
EN 388

Ansell



Shoes cover

PVC outsole, anti-slip
Bao giày chống trượt,
đế PVC



Kakadu 412472

TPU/Nitrile Outsole
Chống nước, tĩnh điện,
chống trơn trượt, chịu nhiệt



Alaska 296154

TPU Sole
Chống đâm thủng,
chống tĩnh điện, trơn trượt



SP237

NBR Sole
Chống trơn trượt, dầu,
hóa chất nhẹ.



3011R

NBR Sole
Chất lượng cao, bền bỉ,
Đế cao su chịu nhiệt 130°C



TS811

NBR Sole
Chịu nhiệt cao
Chống trơn trượt



TS61SSV (Women)

PU Sole oil Slip Resistant
Thoải mái, chống trơn trượt



TS5511

NBR Sole
Chịu nhiệt cao
Chống trơn trượt



Adelaide 311400

TPU/PU outsole
Chống tĩnh điện,
thoải mái 100%



Manly 316109

TPU/PU outsole
Chống nước, tĩnh điện,
trơn trượt



Parkes Zip Scuff 312658

TPU/Nitrile Outsole
Chống nước, tĩnh điện,
trơn trượt, chịu nhiệt



Southern Cross 512760

PU Insole & TPU outsole
Chống trơn trượt, dầu,
tĩnh điện



Torquay Zip 617539

TPU/PU outsole
Chống trơn trượt, dầu,
tĩnh điện



Argyle 312102

PU Insole & TPU Outsole
Chống trơn, dầu, tĩnh điện



Torquay Zip 827539

NBR outsole,
Electric shock resistant
Giày cách điện để NBR



Florida 296159

TPU/ PU outsole
Chống nước, hóa chất,
trơn trượt, tĩnh điện



Sahara 412470

TPU/Nitrile Outsole
Chống nước, tĩnh điện,
trơn trượt, chịu nhiệt



Canyon Zip

TPU/Nitrile Outsole
Chống nước, tĩnh điện,
trơn trượt, chịu nhiệt



Texas 296125

TPU/ PU outsole
Chống dầu, acid



Heeler 322315

TPU/Nitrile Outsole
Chống hóa chất, trơn trượt



SP927

Heat resistant outsole
Ứng chịu nhiệt 300°C



Nullarbor 412473

TPU/Nitrile Outsole
Chống tĩnh điện, trơn trượt,
chống nước



PVC Boots

Steel Toe Cap
Ứng bảo hộ mũi thép



Boots RS-2

Chemical Resistant Boots
Ứng chống hóa chất



Electro boots

Withstand over 1000V
Ứng cách điện

«DUPONT»

**ProShield 10**

Inorganic chemical resistant
Quần áo chống hóa chất nhẹ

«DUPONT»

**Tyvek® 400**

Inorganic chemical resistant
Quần áo chống hóa chất nhẹ

«DUPONT»

**Tyvek® Classic Plus**

Inorganic chemical resistant
with taped seams, Quần áo
chống hóa chất nhẹ có keo
dán

«DUPONT»

**Tychem® 2000**

Numerous organic & inorganic.
Quần áo chống hóa chất vô
cơ, hữu cơ nặng

«DUPONT»

**Tychem® 6000**

Numerous organic & inorganic.
Quần áo chống hóa chất vô
cơ, hữu cơ nặng

«DUPONT»

**Tyvek® 500HV**

Inorganic chemical resistant
with hi-visibility. Quần áo
chống hóa chất có phản
quang

«DUPONT»

**Tychem® Thermo Pro**

Chemical and heat resistant.
Quần áo chống hóa chất và
chịu nhiệt

«DUPONT»

**Tychem® 2000SFR**

Chemical and secondary
flame resistant. Quần áo
chống hóa chất và chống
bén lửa

«DUPONT»

**Tychem® TK**

Chemical and toxic gases
resistant. Quần áo chống
hóa chất và khí độc

«DUPONT»

**Tychem® 6000 Apron**

Chemical resistant
Tạp dề chống hóa chất

3M

**4510**

Inorganic chemical resistant.
Quần áo chống hóa chất
nhẹ

Ansell

**PVC 45G Apron**

Heavy chemical resistant
Tạp dề chống hóa chất

Ansell

**Alphatec® 56-230**

Light to medium chemical
resistant
Tạp dề chống hóa chất

Ansell

**MicroGard 2000 standard**

Inorganic chemical resistant
Quần áo chống hóa chất nhẹ

Ansell

**TrellChem Super T-ET**

Gastight protection suit
for marine
Quần áo hóa chất cho hàng hải
EN943-1, 943-2, 1073-2, 14126

**Leather Apron**

Cowhide slip leather
Tạp dề da bò

**Pangrim**

100% Kaki Pangrim
Quần áo liền quần 100%
Kaki Pangrim

**Rain Coat**

Rain coating
Áo đi mưa

ELLIOTTS

**Arc Suit**

Inherently Flame
Bộ đồ chống hồ quang điện

Manulutex

**Steel Apron**

Level 2 Cut Protection
Tạp dề sắt chống cắt



FIRE HOOD

Flame Resistant, Anti-static
Mũ trùm cứu hỏa
EN 13911



ZR-A102

Fire Helmet
High-Temperature Resistant
Nón cứu hỏa
GA 44-2004



ZR-A202

Fire Glove
Flame Resistant, Waterproof
Găng cứu hỏa
NFPA 1971:2007



ZR-A301

Fire Boot, Oil, Chemical &
Salt Resistant
Ủng cứu hỏa
GA6-2004



ZR-A002-NE05

Fire Suit
Heat & Flame Resistant
Bộ đồ cứu hỏa
EN469:2005



Teijinconex 160gsm

Coverall Flame Resistant
Áo liền quần chống cháy chậm
ISO 11612:2015 & NFPA 2112



Teijinconex 180gsm

Coverall Flame Resistant
Áo liền quần chống cháy chậm
ISO 11612:2015 & NFPA 2112



Teijinconex 200gsm

Coverall Flame Resistant
Áo liền quần chống cháy chậm
ISO 11612:2015 & NFPA 2112



Teijinconex 200gsm

Coverall Flame Resistant
Áo liền quần chống cháy chậm
ISO 11612:2015 & NFPA 2112



Teijinconex 180gsm

Coverall Flame Resistant
Áo liền quần chống cháy chậm
ISO 11612:2015 & NFPA 2112



GNFS0010

Fire fighting clothing
Quần áo cứu hỏa
EN469



T2810&J2810

Fire fighting clothing
Quần áo cứu hỏa
EN469



AJ2810 & AT2810

Fire fighting clothing
Quần áo cứu hỏa
EN469



Classix®

Fire fighting clothing
Quần áo cứu hỏa
NFPA1971



RSX™

Fire fighting clothing
Quần áo cứu hỏa
NFPA1971



X10

Alumized suit
Đồ nhôm chịu nhiệt
ISO 11612



X20

Alumized suit
Đồ nhôm chịu nhiệt
ISO 11612



X30

Alumized suit
Đồ nhôm chịu nhiệt
ISO 11612



10.000FR

Alumized suit
Đồ nhôm chịu nhiệt
ISO 11612



Apron

Alumized apron
Tạp dề nhôm chịu nhiệt
ISO 11612

CAMP
Safety**1298 Basic**

Full Body Harness
Dây đai toàn thân
EN 361

CAMP
Safety**1275 Basic Duo**

Full Body Harness
Dây đai toàn thân
EN 361

CAMP
Safety**1247.02 Vertical**

Full Body Harness
Dây đai toàn thân
EN 361

CAMP
Safety**0941.01**

Full Body Harness
Dây đai toàn thân
EN 361

CAMP
Safety**1265 Gravity**

Full Body Harness
Dây đai toàn thân
EN 361

3M

**1390010**

Full Body Harness
Dây đai toàn thân
EN361

3M

**1390024**

Full Body Harness
Dây đai toàn thân
EN361

3M

**1390235**

Shock Absorber Lanyard
2 hooks. Dây giảm sóc
2 móc. EN 355

3M

**1390370**

Shock Absorber Lanyard 1
hook. Dây giảm sóc 1 móc
EN 355

CAMP
Safety**2030.02 + 2030.08**

Rope Lanyards
Dây làm việc trên cao
EN 354

CAMP
Safety**50301.04 + 50302.01**

Shock Absorber Lanyards
Dây giảm sóc
EN 355

CAMP
Safety**70301.01 & 70302.01**

Shock Absorber Lanyard
Dây giảm sóc
EN 355

CAMP
Safety**2074 + 2076**

Fall Arresters 2m, 10m
Thiết bị hãm rơi dài 2m, 10m
EN 360

MSA

**Latchway**

Sealed Self-Retracting
Lanyards. Thiết bị hãm rơi
EN360

MSA

**Latchway**

Mini Personal Fall Limiter
Thiết bị hãm rơi
EN360

MSA

**Latchway**

Standard Self-Retracting
Lanyards. Thiết bị hãm rơi
EN360

MSA

**Latchway**

Rooftop system
Hệ thống an toàn làm việc
trên mái nhà

CAMP
Safety**291 Rescue Kit**

Two Rescue Height at 25m
Bộ dây giải cứu
CE Standard

CAMP
Safety**1883+284**

Tripod Anchoring System
Bộ kiềng giải cứu
EN 795

TOYO SAFETY

**GH-555**

Safety Belt
Dây đai an toàn

CAMP
Safety**0999 Goblin**

Rope Fall Arrester
Móc hãm rơi
ANSI Z359.1

CAMP
Safety**1229-1097**

Small/Big Pulleys
Ròng rọc
CE/UIAA

CAMP
Safety**547-547.01 Pilot**

Movement Along Ropes
Móc đi lên – Xuống
EN 567

CAMP
Safety**Connectors**

Móc nối.
EN 362

WORKSafe®

**999 Gliother**

Back Support Belt
Dây hỗ trợ lưng



EVAFAMM

Power Air- Purifying Respirator (PAPR)
Bộ lọc khí sạch, Tiêu chuẩn NIOSH



EVASPECL

Power Air- Purifying Respirator (PAPR)
Bộ lọc khí sạch, Tiêu chuẩn NIOSH



EVAHLPAN1

Power Air- Purifying Respirator (PAPR)
Bộ lọc khí sạch, Tiêu chuẩn NIOSH, Hazard Area



CLEANSAPCE2

Powered Respirator
Trọng lượng nhẹ (500gr)
Không dây đeo
EN12942:1998+A2:2008 TM3



PAPR TK

Versaflo Headcover PAPR Kit, TR-300-HKS. Bộ cấp khí kèm bộ sạc, phin lọc, nón bảo hộ mềm



ADP20

Free Air Pump
Thiết bị cấp khí sạch



Icepump11

Electric-Driven Pumps
Thiết bị cấp khí sạch



Clean Air Box (CAB)

Supplied Air Respirator (SAR)
Bộ cấp khí sạch, Tiêu chuẩn NIOSH



41 Series

Supplied Air Respirator (SAR)
Bộ cấp khí sạch, Tiêu chuẩn NIOSH



Gen VX Series

Sand blasting clothing set
Bộ đồ dùng trong bắn cát



Spiromatic 90U

Self-Contained Breathing Apparatus
EN 137, CE 89/686/EEC 96/98EC (M.E.D)



Compressed Airline

Enhance long-duration respiratory protection
Hệ thống cấp khí sạch



G1

Self-Contained Breathing Apparatus
Origin: USA
NIOSH, NFPA 1981/1982



Airgo

Self-Contained Breathing Apparatus
Origin: Germany
EN 137, ATEX, SOLAS



Air Express

Self-Contained Breathing Apparatus
Origin: China
EN 137:2006, Type I



Miniscape

Portable respirator for escape
Duration: 5 minutes
DIN 58647-T7



PremAire

The PremAire Combination Escape
EN 14593-1/EN 402
EN 14593-1/EN 137



SavOx

Self-rescue
Provides 60 minutes
5 hours while awaiting rescue
EN 13794 class K60S



PremAire Escape

Short duration compressed air emergency escape breathing device
EN 402



S-CAP

Smoke Hood
EN 403:2004



Speedglas

Auto Welding Helmet
Mặt nạ hàn tự động
ANSI Z87.1



Ocenco M-20.2

Emergency Escape Combination Escape
Mặt nạ thoát hiểm
Duration/ Thời gian: 30mins
EN 13794 - 89/686/EEC



AFSY30

Marine Emergency Escape
Mặt nạ thoát hiểm
Duration/ Thời gian: 30 mins
EN 403:2004 EN 13794: 2002



ASE30

Emergency Escape
Duration/ Thời gian: 30 mins
EN 403, NFPA2112



EBP-900

Emergency escape masks
Mặt nạ thoát hiểm khẩn cấp, NIOSH

**7260B**

Wall Mounted,
Eye/Face Wash
Bồn rửa mắt/ mặt nhựa

**7260BT**

Wall Mounted
Eye/Face Wash
Bồn rửa mắt/ mặt khăn cấp

**7460B**

Wall Mounted,
Eye/Face Wash
Bồn rửa mắt/ mặt inox

**8309**

Combination Shower
& Eye/Face Wash
Thiết bị rửa toàn thân

**8330**

Inox Combination Shower
& Eye/Face Wash
Thiết bị rửa toàn thân Inox

**7501**

9 gallon portable Eyewash
For Moving Locations
Bồn rửa di động

**7500**

16Gallon portable eyewash
for moving location
Bồn rửa di động

**7601 10.2**

Portable Emergency
Air Charged Eyewash
Bồn rửa mắt bằng khí nén

**8309**

Combination Shower
& Eye/Face Wash
Thiết bị rửa toàn thân

**8330**

Inox Combination Shower
& Eye/Face Wash
Thiết bị rửa toàn thân Inox

**7516C**

First Aid Eyes
Rinse 0.9% Sodium Chloride
Dung dịch rửa mắt

**9082**

Bacteriostatic Water
in Portable Eyewashes
Nước kháng khuẩn

**7620**

AXION EyePOD
Faucet Mounted Eyewash
Vòi rửa mặt khăn cấp

**SP65/ SP65SS**

AXION® MSR eye/face
wash head. Vòi rửa mắt/
mặt

**FIRST AID KIT**

Tủ thuốc y tế

**LIFE JACKETS/
LIFEBUOY LIGHT**

Áo phao/
Đèn phao cứu sinh

**RESCUE BUOY/BOAT**

Phao/ Thuyền cứu hộ

**Light Evacuation
Stretcher**

Cáng di tản cứu hộ

**Fire Blankets**

Mền chống cháy

**Offshore Transfer Basket**

Thiết bị di chuyển trên biển

**FULLY
INSULATING TOOLS**

Up to 1000V
Dụng cụ cách điện

**RUBBER INSULATING
SHROUDING**

Up to 1000V
Thảm cách điện

**OVERHEAD LINE
SHROUDING**

1000V working
Thiết bị cách điện

**SAFETY
RESCUE HOOKS**

Available in 1kV & 60kV
Gậy sơ cứu điện giật

**Portable Earthing &
Short Circuiting
Equipment**

Sào cách điện

JUSTRITE®



14018

1 Liter Plunger Can
Bình bơm hóa chất

JUSTRITE®



7150100

19 Liters Steel Safety Can
Can đựng hóa chất

JUSTRITE®



7250130

19L Safety Can for
Flammables
Can đựng hóa chất

JUSTRITE®



09700

80 Liters Oily Waste Can
Thùng đựng dầu thải

JUSTRITE®



28201

360 Liters Salvage Drum
Thùng đựng hóa chất

JUSTRITE®



24160

Acid Polyethylene Cabinet
Tủ đựng hóa chất

JUSTRITE®



894500

Flammable Cabinet
Tủ đựng hóa chất

JUSTRITE®



28635

Spill Control Pallet
Pallet chống tràn hóa chất



Plastic Bin

Thùng đựng rác

SATO



**Temperature/
Humidity Instrument**

Máy đo nhiệt độ & độ ẩm



Worksafe Led Atex

Water/ Explosion Proof
Đèn chống nước/ cháy nổ

EXIN LIGHT



Exin & Star Light

Water/ Explosion Proof
Đèn chống nước/ cháy nổ



Headlamp

Đèn pin dạng đeo

martor



Merak 124001

Cutting Tool
Dao cắt an toàn

**Master
Lock**



S31

Safety Padlock
Ổ khóa bảo vệ

**Master
Lock**



1483BP410

Lockout Station
Bộ khóa an toàn làm việc

**Master
Lock**



1457E410KA

Electrical Lockout Kit
Bộ khóa an toàn điện

**Master
Lock**



480

Gate Valve Lockout
Khóa van bảo vệ

**Master
Lock**



487

Electrical Plug Lockout
Khóa điện an toàn

**Master
Lock**



S125

Safety Padlock Caddy
Thiết bị móc khóa

tesa



Warning & Safety Tapes

Băng keo cảnh báo

NICHIBAN



General Purpose Tapes

Băng keo màu



Traffic Cones

Trụ giao thông



Weather Winsock

Cờ gió



High Vis

Safety Vest
Áo phản quang



Respiratory Protection



Hearing Protection



Gas Detection



Eye Protection



Face Protection



Protective Clothing



Industrial Gloves



Safety Shoes/ Boots



Emergency Shower



Head Office:

9C Pham Van Chieu Street, Go Vap District,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84.28) 6297 1323 - Fax: (84.28) 3812 0330
Email: Safety@thaian.com

Branch Office:

52-R2 Hung Gia 5, Phu My Hung, District 7,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84.28) 5410 7308 - Fax: (84.28) 3810 7939
No. B1.11, Seaview 1, Chi Linh, Vung Tau, Vietnam
Tel: (254) 361 6588 - Fax: (254) 361 6587